

Số: 155 /KH-MNPT

Phước Thanh, ngày 23 tháng 9 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025**  
**Trường mầm non Phước Thạnh**

Thực hiện Công văn số 1718/SGDDĐT-GDTH-GDMN ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non (GDMN) năm học 2024 – 2025;

Thực hiện Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tiền Giang ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với GDMN, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Thực hiện Hướng dẫn số 1950/HD-PGDĐT ngày 19/9/2024 của Phòng GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 đối với Bậc học mầm non thành phố Mỹ Tho;

Trường mầm non Phước Thạnh xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 với nội dung cụ thể như sau:

**A. Đánh giá kết quả nổi bật của năm học 2023 - 2024:**

**1. Về công tác phát triển số lượng:**

\* Trong nhà trường: 14 lớp, 472 trẻ:

+ Nhà trẻ (0-2 tuổi): 54 trẻ/155 độ tuổi điều tra, tỷ lệ: 34.8%

- Mẫu giáo (3-5 tuổi): 437 trẻ/443 độ tuổi điều tra, tỷ lệ 98.6%

+ 3 tuổi: 105 trẻ/108 độ tuổi điều tra, tỷ lệ: 97.2%

+ 4 tuổi: 143 trẻ/146 độ tuổi điều tra, tỷ lệ: 97.9%

+ 5 tuổi: 175 trẻ/175 độ tuổi điều tra, tỷ lệ: 100%

\* Trên địa bàn xã Phước Thạnh có 01 nhóm trẻ ngoài nhà trường, có 13 trẻ. Nhóm trẻ có giấy phép thành lập nhóm.

**1.1. Huy động (tại trường):**

| Độ tuổi | Trong nhà trường |       |              |       | Ngoài nhà trường |       |              |       | Ghi chú |
|---------|------------------|-------|--------------|-------|------------------|-------|--------------|-------|---------|
|         | Số nhóm /lớp     | Sĩ số | Bán trú      |       | Số nhóm /lớp     | Sĩ số | Bán trú      |       |         |
|         |                  |       | Số nhóm /lớp | Sĩ số |                  |       | Số nhóm /lớp | Sĩ số |         |
| Nhà trẻ | 01               | 35    | 01           | 35    | 01               | 9     | 01           | 9     |         |
| Mầm     | 3                | 85    | 3            | 85    | //               | 4     |              | 4     |         |
| Chồi    | 5                | 177   | 5            | 177   | //               | //    | //           | //    |         |

|             |           |            |           |            |           |           |           |           |  |
|-------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| Lá          | 5         | 175        | 5         | 175        | //        | //        | //        | //        |  |
| <b>Tổng</b> | <b>14</b> | <b>472</b> | <b>14</b> | <b>472</b> | <b>01</b> | <b>13</b> | <b>//</b> | <b>13</b> |  |

- Nơi khác đến học: 179 trẻ (ngoài thành phố: 164 cháu).

- Đi học nơi khác: 187 trẻ (riêng 5 tuổi: 67 cháu).

### 1.2. Về công tác phổ cập trẻ sinh 2018

- Số trẻ 5 tuổi (sinh năm 2018): 189/189 trẻ; miễn giảm: 5

- Số trẻ 5 tuổi phải phổ cập: 189/189 trẻ; tỷ lệ: 100%

+ Số trẻ 5 tuổi học tại địa phương: 122

+ Số trẻ 5 tuổi đi học nơi khác: 67

+ Số trẻ 5 tuổi nơi khác đến học: 51

### 1.3. Công tác chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng:

| Tình trạng dinh dưỡng       | Trong nhà trường |     | Ngoài nhà trường |   | Ghi chú |
|-----------------------------|------------------|-----|------------------|---|---------|
|                             | Số trẻ           | %   | Số trẻ           | % |         |
| Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân  | 0                | 0   | 0                | 0 |         |
| Suy dinh dưỡng thể thấp còi | 0                | 0   | 0                | 0 |         |
| Thừa cân                    | 5                | 1.4 | 0                | 0 |         |
| Béo phì                     | 2                | 0.4 | 0                | 0 |         |
| Suy dinh dưỡng thể gầy còm  | 0                | 0   | 0                | 0 |         |

#### \* Các hội thi cấp trường dành cho trẻ:

Các hội thi của trẻ được lồng ghép một cách nhẹ nhàng, phát huy tính tích cực của trẻ, tư duy sáng tạo và mạnh dạn tự tin:

- Hội thi Rung chuông vàng: 472 trẻ (trong đó có 202 trẻ đạt cấp trường).

- Hội thi Bé khéo tay: 127 trẻ.

- Bé kể chuyện: 35 trẻ.

- Bé tìm hiểu “An toàn giao thông” cho trẻ khối Lá: 5 đội - 25 bé tham gia

\* Tỷ lệ chuyên cần: Cả trường: BN tuần 88,3%; TLCC 98,9%

- Nhà trẻ: BN tuần 86%; TLCC 97,8%

- Mẫu giáo: BN tuần 89,5%; TLCC 99,3%

+ Mầm: BN tuần 89,5%; TLCC 98,5%

+ Chồi: BN tuần 92%; TLCC 99,8%

+ Lá: BN tuần 87,1%; TLCC 99,5%

\* Các hoạt động nổi bật của trường:

- Tổ chức “Triển lãm đồ dùng đồ chơi tự làm cấp trường” từ các vật liệu có sẵn tại địa phương, đồ dùng học tập phát triển tư duy, vận động tinh, ... phục vụ các chuyên đề: có 42 sản phẩm: Kết quả: 12 giải A, 10 giải B, 10 giải C, 10 giải đạt.



- Thực hiện cải tạo sân chơi phía trước, các góc cầu thang, tạo cho trẻ nhiều khu trải nghiệm bổ ích: Góc chơi “Tình bạn” – góc chơi 0 đồng; ngôi nhà sáng tạo; góc sách, góc “Đầu bếp nhí”, góc chơi cùng ánh sáng, .... cải tạo sân chơi cho trẻ đáp ứng phương pháp dạy học tiên tiến phù hợp điều kiện địa phương trong trường mầm non.

- Thực hiện tốt công trình giáo dục “Khu vui chơi phát triển tư duy” là sân chơi hấp dẫn, nhà trường đã cải tạo lại khu vui chơi trải nghiệm các nghề, khai thác và sử dụng làm “Khu vui chơi phát triển tư duy” đem lại cho trẻ không gian vui chơi khám phá phát triển tư duy với đồ chơi hiện đại, tích hợp một số phương pháp dạy học tiên tiến trên thế giới như Montessori, Steam, ... đa dạng hình thức chơi, phong phú về nội dung góp phần phát triển toàn diện cho trẻ. ... với tổng kinh 93.819.000 đồng từ nguồn xã hội hoá, Phòng giáo dục và đào tạo chấm 100/100 điểm.

- Kiểm tra xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đạt tốt: 14/15 lớp.

- Viết và áp dụng sáng kiến kinh nghiệm về thực hiện các chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm: 20 đề tài.

- Tham gia tự học BDTX đánh giá hoàn thành BDTX 100% (31/31 CBQL, GV tham gia học).

- Kết quả tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp: CBQL 3 (03 tốt); Giáo viên 28 (13 tốt, 06 khá, 9 đạt).

- Giáo viên được tập huấn soạn giảng trên phần mềm GoKids và thực hiện bắt đầu từ tháng 10/2023; 14/14 nhóm lớp thực hiện.

- Hội thi xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, được tổ chức thực nghiệm túc và đạt hiệu quả cao từ cấp trường. Tổ chức thi đạt tỷ lệ 100% các lớp và giáo viên tham gia (14/14 nhóm lớp).

- Thực hiện hội giảng cấp tỉnh về chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” với sự tham gia của CBQL và giáo viên trong thành phố Mỹ Tho và các huyện bạn về dự (ngày 13/4/2024).

- Thực hiện đón CBQL và giáo viên cốt cán của huyện Cai Lậy và huyện Tân Phước về dự giờ, tham quan học tập: 02 hoạt động dạy và 03 hoạt động giờ ăn theo các hình thức khác nhau (ngày 25/4/2024)

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ngoài cụm: Phó hiệu trưởng và giáo viên cốt cán tham dự tại các trường MN Rạng Đông, MN Bình Minh; MN Thới Sơn, MN Hướng Dương. Chia sẻ và rút kinh nghiệm về chuyên đề.

*\* Công tác kiểm định chất lượng, trường đạt chuẩn quốc gia:*

- Công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng, đạt:

+ Mức 1: 25 tiêu chí, tỉ lệ 100 %

- + Mức 2: 25 tiêu chí, tỉ lệ 100 %
- + Mức 3: 25 tiêu chí, tỉ lệ 68 %
- + Mức 4: 0

Kết quả tự đánh giá: Mức 3

**\* Cấp thành phố:**

- Tham gia cuộc thi “Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng” đạt 01/03 sản phẩm dự thi.
- Nghiệm thu công trình giáo dục đạt tốt (100/100 điểm)
- Thực hiện “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” đạt tốt (100/100 điểm)
- Kiểm tra môi trường chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021 – 2025” đạt 100/100 điểm
- Tham gia cuộc thi Cuộc thi “Xây dựng môi trường NDCSGD trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm trong các cơ sở GDMN” cấp thành phố năm học 2023 – 2024: Đạt giải II tập thể.

- Tham gia thi sáng tạo TTNND đạt 01 sản phẩm
- Tham gia giải Aerobic mừng Đảng mừng xuân Giáp Thìn.
- Lễ hội đường phố “Vui hội trăng rằm”:
- + Giải III hội thi “Bức tường lòng đèn”;
- + Giải khuyến khích hội thi “Hoá trang”

- Văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân năm 2024: Đạt 02 giải khuyến khích

**\* Cấp Tỉnh:** Cuộc thi “Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm” cấp Tỉnh: đạt kết quả cao.

**1.4. Công tác thi đua:**

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 05.
- Lao động tiên tiến: 24
- Trường đạt: Tập thể lao động xuất sắc. Được đề nghị nhận cờ thi đua của UBND Tỉnh.

- Trường giữ vững danh hiệu trường CQG mức 2 và KĐCLGD cấp độ 3.
- Duy trì trường Xanh, Sạch, Đẹp cấp Tỉnh.
- Công trình giáo dục đạt 100/100 điểm.
- Trường học thân thiện học sinh tích cực đạt 98 điểm.

**2. Những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân tồn tại:**

**\* Những thuận lợi**

- Nhà trường đã quán triệt được tư tưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các cuộc vận động lớn của ngành, các nội quy, quy chế của nhà trường.



- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các chủ trương đường lối đổi mới của Đảng và pháp luật của nhà nước.

- Xây dựng tập thể đoàn kết giữa các bộ phận, phát huy được tính dân chủ có sự thống nhất đồng lòng trong công việc.

- Nhà trường xây dựng và thực hiện bám sát kế hoạch dựa vào điều kiện thực tế tại địa phương nên gặp nhiều thuận lợi.

- Trong công tác cải tạo môi trường, xây dựng kế hoạch hoạt động theo chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" với bộ hồ sơ chuyên môn đáp ứng được các tiêu chí của Sở GDĐT và Phòng GDĐT yêu cầu.

- Được tập thể phụ huynh hỗ trợ trong khâu xã hội hóa giáo dục, tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con và phòng chống dịch bệnh đến phụ huynh.

- Cán bộ giáo viên thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non; đổi mới phương pháp giáo dục trẻ; nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ, Giáo viên thực hiện tốt xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và tổ chức hoạt động góc trong cơ sở giáo dục mầm non.

**\* Những khó khăn, vướng mắc của trường:**

- Một số ít phụ huynh ít quan tâm đến con em mình phó mặc cho nhà trường, nhiều trẻ thuộc diện nghèo, khó khăn nên ảnh hưởng đến công tác CSNDGD trẻ.

- Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động soạn giảng trên phần mềm ở giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

- Dây phòng học cũ không có hành lang sau hạn chế về không gian tổ chức các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ; nhà vệ sinh trẻ không thoáng thiếu ánh sáng (không có mành khung kính) ảnh hưởng tầm nhìn theo dõi trẻ khi sinh hoạt vệ sinh.

- Máy vi tính tại nhóm lớp của dãy phòng học cũ (07 bộ) ảnh hưởng đến quá trình giáo viên cập nhật, sử dụng CNTT để tương tác trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Trường thiếu 04 giáo viên mầm non, 01 nhân viên kế toán theo biên chế.

**\* Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế ở từng nội dung:**

- Giáo viên lớn tuổi ứng dụng công nghệ thông tin soạn giảng trên phần mềm còn hạn chế, chậm tiếp cận.

- Dây phòng học (phía trước) được xây lâu năm, cơ sở vật chất (máy vi tính) xuống cấp.

- Đa số phụ huynh sống bằng nghề nông và đi làm thuê ở các khu công nghiệp nên ít quan tâm đến con em mình phó mặc cho nhà trường.

**B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024 – 2025:**

**I. Đặc điểm tình hình năm học 2024 – 2025:**

## 1. Về phát triển giáo dục: 14 lớp

a) Nhà trẻ:

| Độ tuổi | Kế hoạch chỉ tiêu PGD giao (T4/24) |       |              |       | Trong nhà trường |       |         |        | Ngoài nhà trường |       |         |        |
|---------|------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------|-------|---------|--------|------------------|-------|---------|--------|
|         |                                    |       |              |       | Số nhóm/ lớp     | Sĩ số | Bán trú |        | Số nhóm/ lớp     | Sĩ số | Bán trú |        |
|         | Số nhóm/ lớp                       | Sĩ số | Số nhóm/ lớp | Sĩ số |                  |       |         |        |                  |       |         |        |
|         |                                    |       |              |       |                  |       | Số nhóm | Số trẻ |                  |       | Số nhóm | Số trẻ |
| Nhà trẻ | 02                                 | 35    | 01           | 08    | 01               | 15    | 01      | 15     | 01               | 06    | 01      | 06     |

- Trong nhà trường:

+ Nhóm 01/1,5 giáo viên

+ Trẻ: 15 (tuyển mới).

- Nhóm trẻ gia đình:

+ Nhóm: 01/02 giáo viên.

+ Trẻ: 06

b) Mẫu giáo:

| Độ tuổi | Kế hoạch chỉ tiêu PGD giao (T4/24) |       |              |       | Trong nhà trường |       |         |        | Ngoài nhà trường |       |         |        |
|---------|------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------|-------|---------|--------|------------------|-------|---------|--------|
|         |                                    |       |              |       | Số nhóm/ lớp     | Sĩ số | Bán trú |        | Số nhóm/ ớp      | Sĩ số | Bán trú |        |
|         | Số nhóm/ lớp                       | Sĩ số | Số nhóm/ lớp | Sĩ số |                  |       |         |        |                  |       |         |        |
|         |                                    |       |              |       |                  |       | Số Lớp  | Số trẻ |                  |       | Số Lớp  | Số trẻ |
| Mầm     | 3                                  | 85    | //           | 10    | 3                | 83    | 3       | 83     | //               | 8     | //      | 8      |
| Chồi    | 4                                  | 110   | //           | 2     | 4                | 125   | 4       | 125    | //               | //    | //      | //     |
| Lá      | 5                                  | 177   | //           | //    | 6                | 195   | 6       | 195    | //               | //    | //      | //     |
| Tổng    | 12                                 | 372   |              | 12    | 13               | 403   | 13      | 403    | //               | 8     | //      | 8      |

- Trong nhà trường:

+ Tổng số Lớp: 13

+ Tổng số trẻ: 403. Trong đó: 28,4 Giáo viên (Mầm: 7,6 giáo viên; Chồi: 8,8 giáo viên; Lá 12 giáo viên)

| Lớp  | Điểm Chính |       | Điểm Long Hưng |       | Tổng cộng |       |
|------|------------|-------|----------------|-------|-----------|-------|
|      | Số lớp     | Sĩ số | Số lớp         | Sĩ số | Số lớp    | Sĩ số |
| Mầm  | 03         | 77    | /              | 6     | 3         | 83    |
| Chồi | 03         | 112   | 1              | 13    | 4         | 125   |



|             |           |            |          |           |           |            |
|-------------|-----------|------------|----------|-----------|-----------|------------|
| Lá          | 05        | 167        | 1        | 28        | 6         | 195        |
| <b>Tổng</b> | <b>11</b> | <b>356</b> | <b>2</b> | <b>47</b> | <b>13</b> | <b>403</b> |

- **Ngoài nhà trường:** Nhóm: 01/02 giáo viên

| Lớp         | Nhóm trẻ<br>Mi Mi |           |
|-------------|-------------------|-----------|
|             | Số lớp            | Sĩ số     |
| Nhà trẻ     | 01                | 6         |
| Mầm         | //                | 8         |
| Chồi        | //                | //        |
| <b>Tổng</b> | <b>01</b>         | <b>14</b> |

- Duy trì sĩ số: 418/418 (100%).

- Tỷ lệ chuyên cần: Nhà trẻ: 96% trở lên; Mẫu giáo: 98 % trở lên.

**\* Tình trạng suy dinh dưỡng:**

| Tình trạng dinh dưỡng        | ĐẦU NĂM          |             |                  |            | CUỐI NĂM         |             |                  |            |
|------------------------------|------------------|-------------|------------------|------------|------------------|-------------|------------------|------------|
|                              | Trong nhà trường |             | Ngoài nhà trường |            | Trong nhà trường |             | Ngoài nhà trường |            |
|                              | Số trẻ           | %           | Số trẻ           | %          | Số trẻ           | %           | Số trẻ           | %          |
| <b>Cân nặng bình thường</b>  | <b>403</b>       | <b>96.5</b> | <b>14</b>        | <b>100</b> | <b>414</b>       | <b>98.1</b> | <b>14</b>        | <b>100</b> |
| Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân   | 1                | 0.2         |                  |            | 0                |             |                  |            |
| Thừa cân                     | 13               | 3.1         |                  |            | 7                | 1.7         |                  |            |
| Béo phì                      | 1                | 0.2         |                  |            | 1                | 0.2         |                  |            |
| <b>Chiều cao bình thường</b> | <b>418</b>       | <b>100</b>  |                  |            |                  |             |                  |            |
| Suy dinh dưỡng thấp còi      |                  |             |                  |            |                  |             |                  |            |
| Suy dinh dưỡng thể gầy còm   |                  |             |                  |            |                  |             |                  |            |

## 2. Đội ngũ:

| Chức danh             | Tổng số   | Hiện có   |           |           |          |        |                 | Cần theo TT 19 | Thiếu     | Thừa | Duyệt của PGD |
|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|--------|-----------------|----------------|-----------|------|---------------|
|                       |           | Nữ        | Biên chế  | HD ND 111 | HD NQ 06 | Tập sự | Trường hợp đồng |                |           |      |               |
| 1. Hiệu trưởng        | 01        | 01        | 01        |           |          |        |                 | 01             | 00        |      | 01            |
| 2. Phó Hiệu trưởng    | 02        | 02        | 02        |           |          |        |                 | 02             | 00        |      | 02            |
| 3. Giáo viên đứng lớp | <b>28</b> | <b>28</b> | <b>23</b> | <b>05</b> |          |        |                 | <b>30</b>      | <b>07</b> |      | <b>28</b>     |
| 4. Nhân viên kế toán  | 1         | 1         |           | 01        |          |        |                 | 01             | 01        |      | 01            |
| 5. Nhân viên văn thư  | 1         | 1         | 1         |           |          |        |                 | 01             |           |      | 01            |

| Chức danh                  | Tổng số   | Hiện có   |           |           |           |        |                 | Cần theo TT 19 | Thiếu     | Thừa | Duyệt của PGD |
|----------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------|-----------------|----------------|-----------|------|---------------|
|                            |           | Nữ        | Biên chế  | HĐ ND 111 | HĐ NQ 06  | Tập sự | Trường hợp đồng |                |           |      |               |
| 6. Hỗ trợ người khuyết tật | 00        | 00        | 00        | 00        |           |        |                 | 01             | 01        |      | 00            |
| <b>Cộng</b>                | <b>33</b> | <b>33</b> | <b>27</b> | <b>06</b> |           |        |                 | <b>36</b>      | <b>09</b> |      | <b>33</b>     |
| 7. Nhân viên CD            | 09        | 09        |           |           | 09        |        |                 | 09             |           |      |               |
| 8. Nhân viên phục vụ       | 02        | 01        |           |           | 02        |        |                 | 02             |           |      |               |
| 9. Nhân viên bảo vệ        | 03        |           |           | 02        | 01        |        |                 | 03             |           |      |               |
| <b>Cộng:</b>               | <b>47</b> | <b>43</b> | <b>27</b> | <b>08</b> | <b>12</b> |        |                 | <b>50</b>      | <b>09</b> |      | <b>33</b>     |

\* Trình độ đào tạo: (theo Luật GD 2019)

| Chức danh              | Thạc sĩ | ĐH        | CD        | Trung cấp | Chuyên môn khác | Không có chuyên môn | Ghi chú                                             |
|------------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| 1. Hiệu trưởng         |         | 01        |           |           |                 |                     |                                                     |
| 2. Phó Hiệu trưởng     |         | 02        |           |           |                 |                     |                                                     |
| 3. Giáo viên đứng lớp  |         | 21        | 06        | 01        |                 |                     |                                                     |
| 4. Nhân viên kế toán   |         |           | 01        |           |                 |                     |                                                     |
| 5. Nhân viên văn thư   |         |           |           |           | 01              |                     | Chứng chỉ văn thư                                   |
| 6. Nhân viên cấp dưỡng |         |           |           |           | 09              |                     | - 09 chứng chỉ dinh dưỡng học đường<br>- TĐVH 12/12 |
| 7. Nhân viên phục vụ   |         |           |           | 01        |                 | 01                  | TĐVH 9/12                                           |
| 8. Nhân viên bảo vệ    |         |           |           |           |                 | 03                  | TĐVH 9/12                                           |
| <b>Cộng:</b>           |         | <b>24</b> | <b>07</b> | <b>02</b> | <b>10</b>       | <b>04</b>           |                                                     |

### 3. Cơ sở vật chất - Trang thiết bị - Tài chính trường học:

\* Cơ sở vật chất trường học:

Gồm 14 phòng học và 12 phòng chức năng (01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị, 01 văn phòng trường, 01 nhà bếp, 01 phòng y tế, 01 phòng giáo dục thể chất nghệ thuật, 01 vi tính, 01 phòng nghỉ nhân viên; 01 phòng bảo vệ).



\* Trang thiết bị dạy - học (Có kế hoạch cụ thể)

\* Tài chính trường học:

a) Các khoản thu: Theo NQ 06/NQ-HĐND- TTg

| STT | DANH MỤC TÀI CHÍNH                                         | SỐ TIỀN/ TRẺ/<br>THÁNG | GHI CHÚ                           |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|
| 1   | Học phí                                                    | 66.000 đ               | Trẻ 5 tuổi khối lá được miễn 100% |
| 2   | Bán trú.                                                   |                        |                                   |
|     | - Tiền ăn chính.                                           | 600.000                | 30.000đ/ngày                      |
|     | - Tiền ăn sáng.                                            | 240.000                | 12.000đ/ngày                      |
| 3   | - Trả lương nhân viên nấu ăn.                              | 155.000đ               |                                   |
|     | - Hỗ trợ giáo viên trực trưa/nhân viên phục vụ bán trú.    | 88.000đ                |                                   |
|     | - Hỗ trợ VCQL, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú. | 17.000đ                |                                   |
|     | - Phụ phí cho hoạt động bán trú.                           | 100.000đ               |                                   |
|     | - Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống.           | 26.000đ                |                                   |
| 4   | - Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học.                 | 20.000đ                |                                   |
| 5   | - Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng.                         | 5.500đ                 |                                   |

b) Nội dung chi:

- Tiền ăn chính: Chi tiền gạo, tiền ăn, sữa dinh dưỡng, yaourt, trái cây.
- Tiền phụ phí: Chi chất đốt, đồ dùng phục vụ vệ sinh, chi tiền điện, nước, ...
- Tiền ăn sáng: Chi tiền ăn, chất đốt, tiếp phẩm và chi khác phục vụ ăn sáng.

- Tiền chi trả lương nhân viên nấu ăn, trực trưa, VCQL, phụ phí, dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh theo Nghị Quyết 06/2023 ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

#### **4. Thuận lợi và khó khăn**

##### **4.1. Thuận lợi:**

- Trường được sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo tu sửa cơ sở vật chất tương đối khang trang đảm bảo phục vụ chăm sóc và giáo dục các cháu, chỉ đạo sâu sát của Tổ Mầm non về chuyên môn.

- Giáo viên đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Ban đại diện cha mẹ trẻ em nhiệt tình trong việc phối hợp cùng nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục cháu.
- Tập thể cán bộ giáo viên nhân viên đoàn kết, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.
- Giáo viên nhiệt tình, tích cực học tập nâng cao chuyên môn.

#### **4.2. Khó khăn:**

- Năm học 2024-2025 trường thiếu 05 giáo viên; 01 nhân viên kế toán theo biên chế nên gặp khó khăn trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG**

1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với GDMN; quản trị trường học đảm bảo dân chủ, kỷ cương nề nếp, chất lượng, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục ở cơ sở GDMN.

2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

3. Thực hiện công tác rà soát sắp xếp trường lớp, quy hoạch mạng lưới cơ sở GDMN theo quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH); tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (PCGDMNTNT).

4. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyển dụng, phân đầu bảo đảm đủ giáo viên (GV) theo quy định; triển khai hiệu quả công tác đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GVMN theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

5. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; tăng cường đầu tư các nguồn lực và thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

6. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em mầm non, quan tâm đến đối tượng là trẻ em mầm non ở khu vực có khu công (KCN), nơi tập trung đông dân cư.

7. Thực hiện công tác tuyên truyền về GDMN với nhiều hình thức hiệu quả; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) trong GDMN.

## **III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Đổi mới công tác quản lý giáo dục**

1.1. Chủ động tham mưu, ban hành, triển khai kịp thời các văn bản, chính



sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN

- Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan, ban ngành ở địa phương để làm tốt công tác huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục; tham mưu đầu tư xây dựng cơ sở GDMN phục vụ nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em là con công nhân, người lao động ở các KCN và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư. Tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các cá nhân, tổ chức để phát triển GDMN phù hợp với địa phương theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, rà soát, nắm thông tin về việc quản lý và triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN bảo đảm đúng quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở GDMN.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chính sách đối với trẻ em, CBQL, GV, nhân viên (NV) và cơ sở GDMN theo quy định; phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chính sách đối với GDMN tại địa bàn có KCN, nơi tập trung nhiều lao động.

- Ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực các đề án, dự án, chương trình theo Kế hoạch số 5114/KH-UBND ngày 08/9/2020 về Phát triển Giáo dục mầm non trên đại bàn TPMT, giai đoạn 2020 - 2025”, đầu tư cơ sở vật chất (CSVN), đội ngũ và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTENT, tiến tới thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi và đổi mới Chương trình GDMN.

1.2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới công tác quản lý trong bậc học GDMN theo hướng phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình

- Hướng dẫn, thực hiện quy định việc quản lý GDMN tại trường, thực hiện theo Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập tăng cường tính chủ động xây dựng kế hoạch và công tác phối hợp giữa các cấp quản lý giáo dục, các phòng, ban, ngành liên quan ở địa phương trong kiểm tra, giám sát; hướng dẫn, chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục; bảo đảm an toàn cho trẻ em trong nhà trường GDMN, đặc biệt đối với các nhóm, lớp mầm non độc lập.

- Tăng quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục được quyết định các hình thức,



phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng mục tiêu Chương trình GDMN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu nhà trường.

- Thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động theo quy định nhằm phát huy vai trò của chủ thể trong việc tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN; bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Thực hiện tinh giản và số hoá hồ sơ sổ sách; tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

- Tăng cường công tác phối hợp với UBND xã Phước Thạnh, các ban, ngành, tổ chức xã hội, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quản lý GDMN, đặc biệt trong quản lý nhóm trẻ Mimi.

#### **Chỉ tiêu:**

- 100% nhà trường triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN.

- Luôn chú trọng đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ, công khai gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình.

- 100% (14 nhóm/lớp) đảm bảo đủ trang thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học, tài liệu học liệu nâng chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

- 100% CBQL, giáo viên, các bộ phận thực hiện hồ sơ sổ sách đúng quy định, khoa học, tinh gọn, hiệu quả, chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ sổ sách trong cơ sở GDMN.

- 100% CBQL, GV đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em.

- Nhà trường phối kết hợp với UBND xã thường xuyên kiểm tra các nhóm trẻ Mimi. Kiên quyết đình chỉ nếu không đảm bảo các điều kiện theo quy định; xử lý nghiêm khi vi phạm.

## **2. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em**

2.1. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; Phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

- Nhà trường xây dựng kế hoạch chú trọng việc tăng cường quán triệt và thực hiện nghiêm quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, bảo đảm an toàn trường học; triển khai thực hiện quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.



- Tăng cường lồng ghép, tích hợp hiệu quả trong tổ chức bồi dưỡng chuyên môn kiến thức pháp luật liên quan công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em tại tất cả các nhóm lớp tại trường và nhóm trẻ Mimi; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ giáo viên trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các nguy cơ có thể xảy ra và hướng dẫn các biện pháp, kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em trong trường, nhóm trẻ Mimi; giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an toàn cho trẻ em theo Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục

2.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

2.2.1. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong cơ sở GDMN

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT quy định về công tác y tế trường học, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới; phối hợp với ngành y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em.

- Thực hiện nghiêm công tác tổ chức nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp Công văn số 1904/PGDĐT ngày 25/9/2023 hướng dẫn thực hiện quy chế chuyên môn cấp học mầm non phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm tại trường MN theo quy định; tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm, kịp thời chấn chỉnh xử lý nghiêm những sai phạm trong công tác tổ chức bữa ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN.

- Đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với

trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Đặc biệt năm học 2024 - 2025 các cơ sở GDMN tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

**Chỉ tiêu:**

- 100% nhà trường xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trong trường mầm non.

- 100% tại trường đủ điều kiện đạt chuẩn trường học an toàn, phòng, chống - 100% nhà trường xây dựng Kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường, lồng ghép nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành trẻ” vào nhiệm vụ thường xuyên của cơ sở GDMN. (GV ký cam kết với BDDCMTE lớp và BGH)

- 100% các nhóm lớp đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ; đưa nội dung đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện (Điều 5, Nghị định số 80/2017/NĐ-CP) vào nhiệm vụ năm học và kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng tháng.

- 100% trường có xây dựng Bộ quy tắc ứng xử và triển khai đến Hội đồng sư phạm trường.

- 100% tại trường trong năm tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng mời phụ huynh tham gia bằng nhiều hình thức.

- 100% bếp ăn tại trường (nhóm trẻ Mimi) được kiểm tra giám sát định kỳ và thực hiện cam kết bếp ăn đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; đảm bảo không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- 100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

- 100% các bữa ăn tại trường trong các ngày được cân đối tiền ăn đảm bảo nhu cầu năng lượng cho trẻ Nhà trẻ từ 600 - 651 Kcalo; Mẫu giáo từ 615 - 726 Kcalo, thực hiện chế độ ăn của trẻ theo quy định. (đảm bảo bình quân 680 calo/ngày trở lên)

- 100% CBGVNV được tập huấn các kiến thức và kỹ năng về giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hành tốt các quy định trong quy chế nuôi dạy trẻ. Đảm bảo mỗi cán bộ, GV được khám sức khỏe và tẩy giun 1 lần/1 năm.

- Giữ vững tỷ lệ trẻ học bán trú đạt 100%.

- Phân đầu tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm ít nhất 0,3% và suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm ít nhất 0,2% so với đầu năm; thừa cân béo phì hạn chế tăng cân và giảm so với đầu năm 1,5%. (đầu năm có 01 trẻ SDD cuối năm xóa 100%)



- 100% tại 02 điểm trường, các nhóm lớp có nguồn nước sạch cho trẻ dùng (nước rửa tay, rửa mặt), 100% trẻ đến trường có nước uống hợp vệ sinh, được đun chín trước khi uống. 100% điểm trường Long Hưng đảm bảo đều có công trình vệ sinh đạt yêu cầu (khô ráo, thông thoáng, sạch, an toàn).

- 100% trẻ có thói quen, nề nếp trong giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn, ngủ.

- 100% các khối Lã, Chồi tại trường thực hiện chuyên đề “Đổi mới tổ chức bữa ăn”.

- Thực hiện điểm “Nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp và bảo đảm an toàn thực phẩm trong trường” tại các lớp: Sơn Ca, Chồi 3, Lã 4.

### 2.2.2. *Đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục trong cơ sở GDMN*

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình trong trường: chỉ đạo triển khai các giải pháp, phát huy tính chủ động của nhà trường trong việc phát triển Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN, nhà trường khuyến khích chuyên môn tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi...; bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

- Chủ động hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương như Montessori, Steam, Reggio Emilia; tăng cường hướng dẫn cho giáo viên thực hiện phát triển Chương trình GD nhà trường, đổi mới phương pháp GD theo định hướng “Lấy trẻ làm trung tâm”.

- Tập trung chuẩn bị tốt điều kiện về các nguồn lực và năng lực đội ngũ để việc thực hiện Chương trình GDMN đạt hiệu quả.

- Tổng kết, đánh giá Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021- 2025” bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm theo Kế hoạch số 989/KH-PGDĐT ngày 26/7/2022 của Phòng GDĐT về việc thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025 nhân rộng các mô hình, điển hình nhóm lớp tại 02 điểm trường thực hiện tốt Chuyên đề; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về kết quả, ưu điểm thực hiện chuyên đề, bài học kinh nghiệm, mô hình sáng tạo.

- Thực hiện lồng ghép GD dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe với GD phát triển vận động cho trẻ; đẩy mạnh giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ an toàn bản thân và môi trường sống.

- Bảo đảm chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật: thực hiện



ng nghiêm túc các quy định về giáo dục hòa nhập theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật truyền thông nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại trường. Thực hiện đúng việc cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật theo tinh thần Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ em, GV chăm sóc giáo dục trẻ em khuyết tật học hòa nhập. Tăng cường năng lực cho đội ngũ CBQL, GV trong quản lý và thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật. Nhà trường tiến hành rà soát việc thực hiện chính sách cho trẻ khuyết tật học hòa nhập nhằm đảm bảo quyền lợi cho trẻ em và giáo viên theo quy định của pháp luật tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật.

- Tăng cường lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong tổ chức thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục quyền con người, giáo dục giới, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu...

- Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một: phối hợp với gia đình, cộng đồng tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tăng cường các giải pháp thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một; tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản của Bộ GDĐT.

#### **Chỉ tiêu:**

- 100% tại trường triển khai, thực hiện Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT về sửa đổi, một số nội dung Chương trình GDMN và quán triệt những nội dung, yêu cầu mới trong Chương trình GDMN sửa đổi, bổ sung.

- Trường thực hiện điểm của thành phố về phát triển chương trình trong việc áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Thực hiện 14/14 lớp.

- 100% tại trường đánh giá việc thực hiện chương trình theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh



theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

- Tiếp tục hội giảng, hội thảo chuyên đề, sinh hoạt cụm ( 02 lần/ 01 năm: tháng 11/2024 và tháng 3/2025).

- 100% các lớp giáo dục trẻ lồng ghép GD ATGT, Quyền con người và KNS vào trong chế độ sinh hoạt của trẻ phù hợp từng độ tuổi.

- 100% giáo viên tại các nhóm trẻ Mimi tham gia sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

- Tiếp nhận trẻ khuyết tật hòa nhập tại trường theo Luật Người khuyết tật, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu tiên trong giáo dục cho trẻ khuyết tật học hòa nhập.

- 100% tại trường thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một.

- 100% tại trường đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động hàng ngày của cơ sở GDMN.

**\* Thực hiện điểm cấp trường:**

- Thực hiện điểm toàn diện: Mầm 1, Chồi 1, Lá 3

- Thực hiện điểm tổ chuyên môn:

+ Tổ chuyên môn 1: Điểm “Lớp học hạnh phúc – Lớp học thông minh”

+ Tổ chuyên môn 2: Giáo dục Quyền con người

+ Tổ chuyên môn 3: Vận dụng có hiệu quả mô hình dạy học Montessori vào môi trường học tập - vui chơi của trẻ tại lớp; “Giáo dục An toàn giao thông”.

+ 14/14 nhóm lớp thực hiện xây dựng mô hình “Mỗi lớp học là một không gian sáng tạo” theo chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

+ Nhân viên cấp dưỡng: Thực hiện xây dựng thực đơn cân đối trong xây dựng khẩu phần ăn.

- Giáo viên:

+ Cô Lê Thị Kim Thảo: Ứng dụng có hiệu quả các bước thiết kế trong quy trình EDP (Steam) trong hoạt động giáo dục.

+ Cô Lê Anh Thư: Vận dụng phương pháp Montessori rèn luyện kỹ năng lao động tự phục vụ cho trẻ tại nhóm lớp.

+ Cô Võ Thị Mộng Liên, Cô Ngô Thị Hồng Hạnh: Ứng dụng các phần mềm trong thiết kế trò chơi học tập tại lớp.

+ Cô Trần Thị Kim Nhiên: Tiết học hạnh phúc

+ Cô Trần Thị Huỳnh: Hoạt động thực hành, trải nghiệm phát huy tư duy sáng tạo tại góc kỹ thuật theo mô hình giáo dục Steam

+ Cô Nguyễn Thị Tuyết Mai: Giờ ăn hạnh phúc.

- Lớp:
- + Lớp Lá 3: Điểm bữa ăn gia đình
- + Chòi 1, Chòi 2 + Khối Lá: Thực hiện điểm “Giáo dục An toàn giao thông”.
- + Chòi 4 + Lá 6: Điểm “Giáo dục kỹ năng sống” cho trẻ.
- Thực hiện phát triển chương trình nhà trường: 14/14 nhóm lớp
- Thực hiện phần mềm trong soạn kế hoạch giáo dục: 14/14 nhóm lớp.
- Thực hiện đảm bảo an toàn trẻ, phòng chống bạo lực học đường: 14/14 nhóm lớp.
- 100% nhóm lớp cam kết với CMTE và BGH đảm bảo an toàn, nói không với bạo lực học đường.
- 14/14 nhóm lớp nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 – 2025.

**\* Chuyên đề** “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 - 2025” gắn “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” (có kế hoạch riêng)

#### **Chỉ tiêu:**

- 100% các nhóm lớp tại trường tiếp tục nâng chất lượng chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và tình hình tại trường.
- 100% đánh giá kết quả đạt được, những ưu điểm, hạn chế, khó khăn và có những giải pháp triển khai sau đánh giá, tổng kết và nhận rộng các mô hình, điển hình thực hiện tốt Chuyên đề; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về kết quả, ưu điểm thực hiện chuyên đề, bài học kinh nghiệm, mô hình sáng tạo của trường, từng tổ, nhóm/lớp/cá nhân, rút kinh nghiệm để ra các giải pháp thực hiện tốt hơn.
- Trường phấn đấu đạt kết quả: Xếp loại Xuất sắc
- Nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 - 2025: 14/14 nhóm lớp.
- 100% các nhóm, lớp thực hiện lồng ghép, tích hợp linh hoạt, phù hợp nội dung trong thực hiện chương trình GDMN.
- Thực hiện điểm Ngành giao:  
Thực hiện điểm về phát triển Chương trình trong việc áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
- + Tiếp tục thực hiện điểm chất lượng chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 – 2025 cấp thành phố và cấp Tỉnh.
- Trường đăng ký tổ chức hội giảng, hội thảo cụm. (02 lần/năm)



**\* Chuyên đề “Giáo dục Quyền con người trong cơ sở GDMN”**

**Chỉ tiêu:**

- 100% tại 14 nhóm/lớp có lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong thực hiện Chương trình GDMN cho trẻ mẫu giáo chất lượng, hiệu quả.

- Trường thực hiện điểm của thành phố về Chuyên đề “Giáo dục Quyền con người trong cơ sở GDMN”.

- Phân đầu tổ chức hội giảng cụm 01 hoạt động về chuyên đề “Giáo dục Quyền con người trong cơ sở GDMN”.

**\* Chuyên đề “Giáo dục an toàn giao thông trong trường mầm non”**

**Chỉ tiêu:**

- Thực hiện lớp điểm: Chồi 1, Chồi 2 + Khối Lá:

- 100% tại trường 14 nhóm lớp có lồng ghép, tích hợp linh hoạt, phù hợp nội dung trong thực hiện chương trình GDMN.

- Tổ chức cuộc thi “Bé tìm hiểu luật lệ và an toàn giao thông” cho Khối Chồi và Khối Lá.

- Phân đầu tổ chức hội giảng cấp trường, cấp thành (Cụm)

**\* Chuyên đề “Giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong các cơ sở GDMN”**

**Chỉ tiêu:**

- Chồi 4 + Lá 6: Điểm “Giáo dục kỹ năng sống” cho trẻ.

- 100% tại 14 nhóm lớp, nhóm Mimi thực hiện áp dụng Bộ tiêu chí trường mầm non giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hoạt động phù hợp chuyên đề “Giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong các cơ sở GDMN” tổ chức hội giảng, hội thảo cụm.

**\* Chuyên đề “Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong trường mầm non”**

**Chỉ tiêu:**

- Thực hiện lớp điểm: Cô Võ Thị Mộng Liên, Cô Ngô Thị Hồng Hạnh: Ứng dụng các phần mềm trong thiết kế trò chơi học tập tại lớp.

- 100% tại trường thực hiện trong công tác quản lý và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ có ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

**\* Đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động nâng cao các chuyên đề**

Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một; Giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật; Nhà trường đẩy mạnh công tác sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của

trường mầm non; Nâng cao năng lực sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật cho trẻ mầm non thông qua hoạt động tạo hình,...

### **3. Đảm bảo các điều kiện trường lớp, CSVC, đội ngũ**

#### **3.1. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp**

Nhà trường chủ động rà soát, tham mưu công tác quy hoạch; tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW, Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018, Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/2/2024 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDMN, phổ thông và thường xuyên và các quy định của pháp luật hiện hành; tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTENT.

3.2. Tăng cường CSVC, nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

- Nhà trường ưu tiên cho các lớp lá về CSVC, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN, yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTE 5 tuổi, hướng đến phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.

- Tiếp tục lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/lớp; nâng cao tỷ lệ phòng học kiên cố; bổ sung các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại.

- Nhà trường quan tâm về CSVC, kiến nghị kịp thời với lãnh đạo về những khó khăn, vướng mắc phù hợp tại địa phương để giải quyết các vấn đề về lớp mầm non số trẻ vượt qui định. (ở các địa bàn đông dân cư, KCN) nhằm tạo điều kiện cho con em công nhân lao động được tiếp cận GDMN có chất lượng.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục và duy trì đạt chuẩn quốc gia mức 2, tham mưu, có kế hoạch phối hợp bảo đảm các tiêu chí duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT, thực hiện theo TT 16/TT-BGD về phòng thư viện của bé.

#### **Chỉ tiêu:**

- Sắp xếp, trang trí hoàn thiện phòng thư viện của bé theo TT 16/TT-BGD.
- Duy trì nhóm trẻ Mimi ngoài nhà trường.
- Duy trì hoạt động của trường mầm non trên địa bàn xã Phước Thạnh chuẩn bị công nhận xã nông thôn mới nâng cao; giữ vững và tăng tỷ lệ trẻ đến các trường mầm non. Huy động trẻ đến các nhóm, lớp theo tỷ lệ: Nhà trẻ: 34.88%, Mẫu giáo: 98.5%, 5 tuổi: 100%



- 100% tại trường đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp.
- Duy trì và có kế hoạch cải tiến nâng các tiêu chí của trường đạt tái kiểm định chất lượng giáo dục vào những năm sắp tới.
- 100% tại trường rà soát và thực hiện đầy đủ, cấp phát kịp thời chế độ chính sách cho trẻ mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

#### **4. củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTENT và chuẩn bị phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 - 5 tuổi**

Thực hiện công tác kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGDMNTENT đúng quy định: tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục (PCGD), xóa mù chữ (XMC) và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC.

Tại địa phương, đơn vị trường thường xuyên rà soát, bổ sung các điều kiện đội ngũ và CSVC bảo đảm thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTENT. Tăng cường nguồn lực, ưu tiên bảo đảm ngân sách để hoàn thành mục tiêu về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2030 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP.

##### **Chỉ tiêu:**

- Tháng 11/2024: xã Phước Thạnh được công nhận đạt chuẩn PCGDMNTENT.
- Phân đầu tỷ lệ huy động phổ cập từng độ tuổi tăng so với năm học trước cụ thể: Nhà trẻ tăng 1% từ: 33,0 % -> 34,0 %; Mẫu giáo tăng 1% từ: 88% -> 89%. Duy trì xã Phước Thạnh đạt chuẩn PCGDMNTEMG từ 3 đến 5 tuổi.
- Phân đầu duy trì sĩ số theo kế hoạch đã được duyệt đầu năm học (tháng 09).
- 100% các lớp Lá của 03 điểm trường có đầy đủ về số lượng 114 danh mục đồ dùng đồ chơi và các dưới 5 tuổi đạt từ 95% - 100%.
- 100% trẻ được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

#### **5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, CDS trong GDMN theo Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT, CDS trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ GDĐT; Quyết định số 100/QĐ-BGDĐT ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về điều chỉnh, bổ sung danh mục nhiệm vụ kèm theo Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, thúc đẩy ứng dụng CNTT và CDS trong GDMN, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong tổ

chức hoạt động của cơ sở GDMN.

- Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN.

**Chỉ tiêu:**

- 100% tại trường CBQL và các bộ phận tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, tuyển sinh, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, công khai chất lượng giáo dục. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành và dữ liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Phấn đấu 90% tại trường chỉ đạo các bộ phận chuyển đổi hồ sơ giấy, sang hồ sơ điện tử.

- 100% tại trường thực hiện các phương tiện trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng kho tài liệu, học liệu trực tuyến dùng chung.

- 100% các trường thực hiện phần mềm xây dựng thực đơn, dinh dưỡng.

- 70% trường mầm non thực hiện phần mềm trong soạn kế hoạch giáo dục.

**6. Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh công tác truyền thông**

- Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với thực tiễn địa phương; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay tạo sức lan tỏa tích cực trong toàn trường để biểu dương, khen thưởng.

- Tiếp tục chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, đặc biệt tuyên truyền Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại trường; đa dạng các kênh truyền thông, lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài nhà trường cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả công tác truyền thông, các vấn đề xã hội quan tâm để nhân dân, phụ huynh hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đồng hành cùng ngành giáo dục.

**Chỉ tiêu**

- 100% tại trường, 14 nhóm/lớp xây dựng các kênh tuyên truyền như Facebook, Zalo, Website, Youtube,...

- 100% các nhóm lớp tại trường đều xây dựng góc tuyên truyền và tại mỗi điểm trường đều có góc tuyên truyền chung.



- 100% nhóm lớp có kế hoạch và hồ sơ lưu trữ công tác tuyên truyền hàng tháng.

Phần đầu đến cuối năm tỷ lệ phụ huynh có ảnh hưởng thông qua các hình thức tuyên truyền đạt 96% trở lên.

### **7. Công tác thanh tra, kiểm tra**

- Đổi mới công tác kiểm tra quản lý giáo dục về việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với GDMN theo hướng phân cấp, hiệu quả, đề cao vai trò thúc đẩy, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho CBQL, GVMN tại trường; bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các quy định và nâng cao chất lượng thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra các hoạt động của nhà trường. Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CBQL, GV, YT tự kiểm tra, rà soát, đánh giá về bảo đảm an toàn trường học; thực hiện công tác kiểm tra đảm bảo đúng quy định; phối hợp trong kiểm tra, giám sát. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của nhóm trẻ Mimi; giải quyết dứt điểm tình trạng nhóm trẻ độc lập chưa đủ điều kiện hoạt động. Giám sát, đôn đốc việc thực hiện kết quả kiểm tra và có biện pháp xử lý kịp thời những vi phạm tồn tại lâu dài, tiềm ẩn rủi ro, nguy cơ mất an toàn trong nhà trường.

#### **Chỉ tiêu:**

- Đổi mới trong công tác kiểm tra theo hướng phân cấp, hiệu quả, đề cao vai trò thúc đẩy, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho CBQL, GVMN.

- 100% tại trường thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Nhà trường kết hợp lãnh đạo địa phương quản lý nhóm trẻ Mimi thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động và kịp thời báo về Phòng GDDT khi có những hành vi sai phạm.

### **8. Nội dung khác**

#### **8.1. Tổ chức hội thi, cuộc thi**

Tổ chức các hội thi, cuộc thi cho GV và trẻ cấp trường, thành theo yêu cầu trọng tâm năm học. Các hội thi, cuộc thi đảm bảo tính tuyên truyền rộng rãi, hình thức sáng tạo khuyến khích được nhiều trẻ tham gia, các cuộc thi không gây căng thẳng cho trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, bao gồm các hội thi, cuộc thi như sau:

#### **\* Hội thi giáo viên, nhân viên.**

##### **Cấp trường:**

- Cuộc thi Giáo viên dạy giỏi, chăm sóc giỏi cấp trường: 25/25 giáo viên

(tuần thứ 3 tháng 11/2024); cấp thành phố (20/11 đến 19/12).

- Cấp dưỡng giỏi: 06 nhân viên (tháng 10/2024)

**Cấp Thành phố:**

- Lễ hội đường phố “Vui hội trăng rằm” (tháng 9/2024);

- Cuộc thi Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố (20/11 đến 19/12): Dự kiến 05/05 giáo viên tham gia

- Tích cực tham gia các hoạt động mang tính phong trào tại địa phương và ngành phát động như tham gia thi đấu thể dục, thể thao, văn hóa (Lễ hội lồng đèn, Bức tường hoa, nhảy dân vũ, ...)

- Văn nghệ Mừng Đảng Mừng Xuân (nếu có).

- Tham gia các cuộc thi trực tuyến.

**Cấp tỉnh:** Giáo viên dạy giỏi: phần đầu 01 giáo viên

**\* Hội thi của trẻ**

**Cấp trường:**

**- Tháng 10/2024**

+ An toàn giao thông: 30 cháu (Khối lá)

**- Tháng 3/2025**

+ Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng: 06 sản phẩm/6 lớp Lá.

+ Ngày hội “Vũ điệu của bé” 13 đội/13 lớp MG (210 trẻ)

+ Ngày hội Gia đình hạnh phúc: Mỗi lớp 2 gia đình dự thi, riêng LH mỗi lớp 1 gia đình, tổng 26 gia đình dự thi.

**- Tháng 4/2025**

- Bé khéo tay: 119 cháu (Khối Mầm: 15 trẻ; Khối Chồi: 32 trẻ; Khối Lá: 72 trẻ).

- Ngày hội steam: 10 món/lớp/trẻ MG

- Kể chuyện diễn cảm: 36 trẻ (Khối Chồi 12 trẻ; Khối Lá 24 trẻ).

**- Tháng 5/2025**

- Rung chuông vàng 187 trẻ (Khối NT: 6 trẻ; Khối Mầm: 33 trẻ; Khối hoi: 50 trẻ; Khối Lá: 98 trẻ).

**Cấp thành phố:**

- Sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng 03 sản phẩm/khối Lá.

- Aerobic mừng Đảng mừng xuân.

+ Giáo viên dạy giỏi cấp thành: 05/05

+ Areabic của trẻ 01 đội

- Ngoài ra nhà trường tham gia một số cuộc thi một số cuộc thi khác dành cho GV được tổ chức của ban ngành đoàn thể các cấp.

**8.2. Tổ chức hội thảo, hội giảng, sinh hoạt chuyên đề**

- Tham gia tọa đàm: “Nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu



thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ của GVMN” (Tổ chức tại 03 cụm trong tỉnh)

- Tham gia tổng kết, đánh giá triển khai Chuyên đề “xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh, thành phố.

- Hội giảng, hội thảo các cụm.

- Hội giảng cấp thành phố, tỉnh theo kế hoạch.

- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn cấp thành phố, tỉnh theo kế hoạch.

\* Ngoài tham dự các buổi hội thảo của các cấp, dựa vào tình hình thực tế của đơn vị, Hiệu trưởng kết hợp PHT xác định những nội dung còn vướng mắc, thực hiện còn hạn chế chỉ đạo tổ chuyên môn hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, hội giảng tìm ra giải pháp thực hiện tốt hơn, cụ thể:

**\* Tập huấn, hội thảo:**

- + Ứng dụng phần mềm trong GDMN

- + Xây dựng môi trường lớp học ứng dụng Montessor/Regio Emilia trong tổ chức các hoạt động GDMN.

- + Xây dựng môi trường trải nghiệm và khám phá tạo điều kiện phát huy tính tích cực cho trẻ tại nhóm lớp.

- + Kỹ năng dạy học tích cực, chơi mà học theo xu hướng hiện đại

- + Thực hiện GD trẻ khuyết tật.

**\* Sinh hoạt chuyên đề**

- Thực hiện các chuyên đề lồng ghép chuyên đề XDTMNLTTLT.

- Kích thích trẻ MN sáng tạo trong hoạt động nghệ thuật.

- Vận dụng phương pháp Montessori rèn luyện kỹ năng lao động tự phục vụ cho trẻ tại nhóm lớp.

- Hoạt động thực hành, trải nghiệm phát huy tư duy sáng tạo tại góc kỹ thuật theo mô hình giáo dục Steam .

- Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm sáng tạo, hướng đến trường học hạnh phúc

- Xây dựng khẩu phần ăn cho trẻ trên phần mềm Nutrikids Clouds

- Rèn hành vi văn minh cho trẻ giúp bảo vệ môi trường Xanh - sạch - Đẹp, phòng chống dịch bệnh.

**III. ĐĂNG KÝ THI ĐUA**

- Công trình giáo dục: Đạt Tốt;

- Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc;

- Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

\* Đối với cá nhân:

- Lao động tiên tiến: tỷ lệ 100%;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở: tỷ lệ 50%.

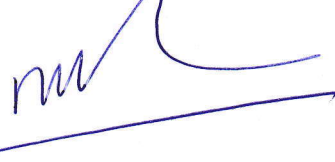
Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 của trường mầm non Phước Thạnh. Tập thể CBGVNV quyết tâm thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm học./.

Phước Thạnh, ngày 23, tháng 9 năm 2024

**Nơi nhận:**

- Tổ MNPGD;
- Trang Web trường;
- Các tổ CM;
- Lưu: VT./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Kiều Oanh**

**DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỞNG**

*Đồng nhất Kế hoạch*

Phước Thạnh, ngày 01 tháng 10 năm 2024

**HỘI ĐỒNG TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Kiều Oanh**



## Phụ lục 1

**LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON  
NĂM HỌC 2024 - 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số 155/KH-MNPT ngày 23/ 9/2024 của Trường MNPT)*

| TT | Kỳ báo cáo               | Thời gian nộp                | Báo cáo cần nộp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hình thức báo cáo                                                                                                                                                                                                 |
|----|--------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Báo cáo tháng            | Trước 20 tây hàng tháng      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo số liệu học sinh, đội ngũ.</li> <li>- Tình hình nổi bật hoạt động trong tháng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         | Báo cáo về Phòng GDĐT (Bộ phận mầm non) qua:<br>(1) Hệ thống hành chính điện tử (e-office).<br>(2) Bản mềm qua thư điện tử: <a href="mailto:gampgdmt76@gmail.com">gampgdmt76@gmail.com</a> .<br>(3) Văn bản giấy. |
| 2  | Báo cáo đầu năm học      | Trước ngày <b>10/10/2024</b> | (1) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2024 - 2025 (theo đề cương gửi kèm).<br>(2) Biểu thống kê GDMN kỳ đầu năm học (EMIS), thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT (Biểu 01- MN-ĐN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). |                                                                                                                                                                                                                   |
|    |                          | Trước ngày <b>10/10/2024</b> | (3) Biểu thống kê GDMN đầu năm học theo quy định của Phòng GDĐT.                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                   |
| 3  | Báo cáo tổng kết năm học | Trước ngày <b>31/5/2025</b>  | (1) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ GDMN năm học 2024 - 2025 (theo các nhiệm vụ trọng tâm của GDMN năm học 2024 - 2025).<br>(2) Biểu thống kê GDMN kỳ cuối năm học (EMIS), thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                   |

|  |  |                                |                                                                                                                                                                                  |  |
|--|--|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |                                | BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT (Biểu mẫu số 01-MN-CN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu) và Biểu mẫu Excel kèm theo Công văn này. |  |
|  |  | Trước ngày<br><b>25/5/2025</b> | (3) Biểu thống kê GDMN cuối năm học theo quy định của Phòng GDĐT.                                                                                                                |  |